



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định Thành lập số** 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0600019436 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 27 tháng 4 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Văn Tân	Chủ tịch
	Ông Phạm Xuân Trình	Thành viên (từ ngày 24/4/2021)
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên (từ ngày 24/4/2021)
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành
	Ông Vũ Ngọc Tuấn	Giám đốc Điều hành

**Trụ sở đăng ký**  
43 Tô Hiệu  
Phường Ngô Quyền  
Thành phố Nam Định  
Tỉnh Nam Định  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**  
Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã thuyết minh các điều kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về giả định hoạt động liên tục trong Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Miêng  
Tổng Giám đốc

Nam Định, 27-08-2021

112  
ĐN  
NH  
P  
LI



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 27-08-2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 58.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## **Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

### ***Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May***

Tổng Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, một công ty liên kết của Tổng Công ty, theo phương pháp vốn chủ sở hữu với giá trị ghi sổ là 20.959 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 17.423 triệu VND). Đồng thời, cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty cũng ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần lãi trong công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết này là 9.285 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: 4.666 triệu VND). Chúng tôi không được tiếp cận với sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các khoản mục đầu tư vào công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021; phần lãi trong công ty liên kết, lợi nhuận sau thuế TNDN và lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thông tin so sánh có liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### ***Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định***

Tổng Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định, một công ty liên kết của Tổng Công ty, theo phương pháp vốn chủ sở hữu với giá trị ghi sổ là 14.932 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 14.339 triệu VND). Đồng thời, cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty cũng ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần lãi trong công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết này là 594 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: 545 triệu VND).

Tuy nhiên, tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định chưa thực hiện đánh giá về khả năng thu hồi của một số khoản phải thu đã quá hạn trên 3 năm với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 13.034 triệu VND (1/1/2021: nợ quá hạn từ 1 đến 3 năm với giá trị ghi sổ là 37.444 triệu VND). Trong trường hợp Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định cần phải trích lập dự phòng cho các khoản phải thu đã quá hạn này, tài sản và nợ phải trả thuần, cũng như khoản mục vốn chủ sở hữu thực có của công ty này sẽ thay đổi. Do hạn chế về thông tin liên quan đến những khách hàng này của Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thích hợp để xác định khả năng thu hồi của các khoản phải thu nói trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các khoản mục đầu tư vào công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021; phần lãi trong công ty liên kết, lợi nhuận sau thuế TNDN và lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thông tin so sánh có liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

## Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-02-00231-21-R-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **27-08-2021**

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>438.675.087.514</b>	<b>399.041.479.712</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9</b>	<b>24.286.372.116</b>	<b>19.298.315.675</b>
Tiền	111		24.286.372.116	19.298.315.675
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>232.468.334.447</b>	<b>209.498.756.648</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	227.307.162.723	202.645.779.157
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.578.795.246	6.033.512.761
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	5.900.000.000	6.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	5.939.981.460	4.464.623.090
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(10.257.604.982)	(10.145.158.360)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>15</b>	<b>169.755.452.525</b>	<b>157.800.774.971</b>
Hàng tồn kho	141		171.027.496.317	159.072.818.763
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.272.043.792)	(1.272.043.792)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.164.928.426</b>	<b>7.443.632.418</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	20(a)	3.202.239.156	3.005.975.098
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.957.277.985	4.317.831.379
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	23(a)	5.411.285	119.825.941

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>707.209.862.317</b>	<b>729.302.873.152</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.663.157.421</b>	<b>7.461.807.506</b>
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	6.863.157.421	9.461.807.506
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	14	(3.200.000.000)	(2.000.000.000)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>619.788.748.602</b>	<b>642.835.533.531</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	16	610.831.843.373	632.558.201.240
Nguyên giá	222		1.224.240.386.542	1.218.133.283.417
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(613.408.543.169)	(585.575.082.177)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	17	8.673.405.229	9.962.332.291
Nguyên giá	225		14.580.151.169	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.906.745.940)	(4.617.818.878)
Tài sản cố định vô hình	227		283.500.000	315.000.000
Nguyên giá	228		698.000.000	698.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(414.500.000)	(383.000.000)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>18</b>	<b>7.663.286.886</b>	<b>8.059.395.189</b>
Nguyên giá	231		17.955.138.931	17.955.138.931
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.291.852.045)	(9.895.743.742)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>18.279.324.718</b>	<b>18.461.496.771</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	19	18.279.324.718	18.461.496.771
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>47.881.954.187</b>	<b>43.476.056.838</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(b)	42.133.399.187	37.727.501.838
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254	10(a)	4.400.000.000	4.400.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.933.390.503</b>	<b>9.008.583.317</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	20(b)	9.662.014.811	8.790.942.477
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21	271.375.692	217.640.840
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.145.884.949.831</b>	<b>1.128.344.352.864</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



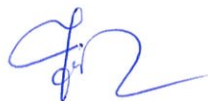
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>899.712.106.239</b>	<b>923.626.902.661</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>500.334.847.792</b>	<b>489.969.027.362</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	154.730.691.716	77.505.517.154
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.943.194.808	2.767.110.620
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23(b)	15.401.994.177	1.473.518.475
Phải trả người lao động	314		12.001.385.520	13.526.604.721
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	2.114.516.901	2.784.561.968
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	25	264.072.621	1.876.334.882
Phải trả ngắn hạn khác	319	26(a)	4.501.138.320	5.118.936.060
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27(a)	301.051.589.322	382.935.401.653
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	28	1.326.264.407	1.981.041.829
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>399.377.258.447</b>	<b>433.657.875.299</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25	11.232.248.394	10.251.747.659
Phải trả dài hạn khác	337	26(b)	6.331.923.822	6.331.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27(b)	381.753.086.231	416.789.635.790
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	60.000.000	284.568.028
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>246.172.843.592</b>	<b>204.717.450.203</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>29</b>	<b>246.172.843.592</b>	<b>204.717.450.203</b>
Vốn cổ phần	411	30	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	418	31	68.047.855.709	68.047.855.709
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	421		29.884.548.761	(11.359.713.615)
- Lỗ lũy kế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(12.486.151.504)	(12.056.188.656)
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		42.370.700.265	696.475.041
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12.252.614.610	12.041.483.597
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.145.884.949.831</b>	<b>1.128.344.352.864</b>

**27 -08- 2021**

Người lập:



Trần Phương Linh  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 02a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	630.521.450.901	579.577.543.477
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	34	552.500.752.428	543.320.872.515
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>78.020.698.473</b>	<b>36.256.670.962</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	10.261.764.355	9.026.735.528
Chi phí tài chính	22	36	24.237.443.515	34.151.171.769
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		20.762.650.614	27.674.693.348
Phần lãi trong công ty liên kết	24	10(b)	10.155.897.349	5.492.363.424
Chi phí bán hàng	25	37	8.008.999.081	5.678.168.699
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	17.241.119.340	15.543.540.696
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>{30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>48.950.798.241</b>	<b>(4.597.111.250)</b>
Thu nhập khác	31		373.712.488	396.274.939
Chi phí khác	32		37.352.998	71.351.905
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>336.359.490</b>	<b>324.923.034</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>49.287.157.731</b>	<b>(4.272.188.216)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	6.779.548.726	140.581.505
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	40	(278.302.880)	(21.332.457)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>42.785.911.885</b>	<b>(4.391.437.264)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b> <b>(mang sang từ trang trước)</b>	60		42.785.911.885	(4.391.437.264)
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		42.370.700.265	(4.690.177.738)
Cổ đông không kiểm soát	62		415.211.620	298.740.474
<b>Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu</b>				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	41	3.115	(345)

**27 -08- 2021**

Người lập:



Trần Phương Linh  
*Kế toán tổng hợp*

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn  
*Kế toán trưởng*



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lãi/(lỗ) trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>49.287.157.731</b>	<b>(4.272.188.216)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		33.520.161.860	33.546.730.854
Các khoản dự phòng	03		1.312.446.622	1.383.487.064
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.324.751.053)	(1.615.039.105)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.869.364.927)	(786.894.767)
Chi phí lãi vay	06		20.762.650.614	27.674.693.348
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>92.688.300.847</b>	<b>55.930.789.178</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(18.898.134.786)	(13.897.155.416)
Biến động hàng tồn kho	10		(11.954.677.554)	(8.918.897.219)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		88.059.845.125	29.026.713.731
Biến động chi phí trả trước	12		(1.103.602.690)	2.350.868.580
			<b>148.791.730.942</b>	<b>64.492.318.854</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(22.399.363.330)	(23.724.296.351)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(235.933.871)	(855.410.064)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(743.940.000)	(717.684.317)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>125.412.493.741</b>	<b>39.194.928.122</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.584.352.463)	(45.688.917.074)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		159.765.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.900.000.000)	(4.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		2.500.000.000	11.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		4.890.920.928	1.102.484.637
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.933.666.535)</b>	<b>(38.086.432.437)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		443.974.083.900	480.179.200.963
Tiền trả nợ gốc vay	34		(559.503.294.894)	(492.948.795.159)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(937.387.597)	(1.346.871.542)
Tiền trả cổ tức	36		(423.787.700)	(910.014.190)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(116.890.386.291)</b>	<b>(15.026.479.928)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.588.440.915</b>	<b>(13.917.984.243)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		19.298.315.675	38.393.001.380
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		399.615.526	232.542.111
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>9</b>	<b>24.286.372.116</b>	<b>24.707.559.248</b>

**27 -08- 2021**

Người lập:



Trần Phương Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sơ, sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; và
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông.

42-  
TY  
HỮU  
IG  
- 1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con là nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty có các công ty con và các công ty liên kết sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
		30/6/2021	1/1/2021	
<b>Công ty con</b>				
1	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, sợi, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	62,58%	62,58%
4	Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	53,46%	53,46%
<b>Công ty liên kết</b>				
1	Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
2	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	36,92%
3	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	36,00%
4	Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	45,97%	45,97%

Các công ty con và các công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty và các công ty con có 1.771 nhân viên (1/1/2021: 1.740 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 61.660 triệu VND (1/1/2021: 90.928 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty và các công ty con có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 27(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào khả năng Tổng Công ty có thể duy trì các hợp đồng tín dụng hiện tại để cấp vốn cho các hoạt động nhằm giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty tin rằng Tổng Công ty sẽ không thể duy trì các hợp đồng tín dụng hiện tại để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động khi cần thiết.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
--------------------------	------------

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các Công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí thuê máy móc và thiết bị**

Chi phí thuê máy móc và thiết bị gồm tiền thuê máy móc trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng máy móc thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê máy móc và thiết bị.

**(iv) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(p) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty và các công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Lãi/lỗ trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty và các công ty con chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Trong kỳ, Tổng Công ty và các công ty con không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty được lập theo lĩnh vực kinh doanh và mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty được lập theo khu vực địa lý.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm/kỳ trước.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

**6. Các khoản mục bất thường**

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty**

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Vài Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Loại trừ nội bộ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	41.470.912	462.559.148	90.168.288	1.897.459	34.425.644	-	630.521.451
Doanh thu giữa các bộ phận	-	7.865.969	16.320.871	13.636	14.824.780	(39.025.256)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>41.470.912</b>	<b>470.425.117</b>	<b>106.489.159</b>	<b>1.911.095</b>	<b>49.250.424</b>	<b>(39.025.256)</b>	<b>630.521.451</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>2.364.099</b>	<b>56.118.036</b>	<b>12.977.403</b>	<b>1.203.317</b>	<b>5.357.843</b>	<b>-</b>	<b>78.020.698</b>
Chi phí không phân bổ							(25.250.118)
Doanh thu tài chính							10.261.765
Chi phí tài chính							(24.237.444)
Phần lãi trong công ty liên kết							10.155.898
Kết quả hoạt động khác							336.359
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(6.501.246)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>							<b>42.785.912</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Vài Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Loại trừ nội bộ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	88.462.214	360.547.898	104.322.034	1.616.027	24.629.370	-	579.577.543
Doanh thu giữa các bộ phận	-	20.650.774	12.138.204	16.363	16.398.393	(49.203.734)	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận</b>	<b>88.462.214</b>	<b>381.198.672</b>	<b>116.460.238</b>	<b>1.632.390</b>	<b>41.027.763</b>	<b>(49.203.734)</b>	<b>579.577.543</b>
<b>Kết quả kinh doanh của bộ phận</b>	<b>3.652.590</b>	<b>19.273.870</b>	<b>10.059.112</b>	<b>925.673</b>	<b>2.345.426</b>	<b>-</b>	<b>36.256.671</b>
Chi phí không phân bổ							(21.221.709)
Doanh thu tài chính							9.026.736
Chi phí tài chính							(34.151.172)
Phần lãi trong công ty liên kết							5.492.363
Kết quả hoạt động khác							324.923
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(119.249)
<b>Lỗ thuần sau thuế</b>							<b>(4.391.437)</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>						
Tài sản của bộ phận	25.294.177	274.284.595	62.089.236	-	28.715.798	390.383.806
Khoản đầu tư vào công ty liên kết						42.133.399
Tài sản không phân bổ						713.367.745
<b>Tổng tài sản</b>						<b>1.145.884.950</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>899.712.106</b>

	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Kinh doanh bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>						
Tài sản của bộ phận	87.236.197	218.183.044	31.687.338	-	19.228.330	356.334.909
Khoản đầu tư vào công ty liên kết						37.727.502
Tài sản không phân bổ						734.281.942
<b>Tổng tài sản</b>						<b>1.128.344.353</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>923.626.903</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021**

	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	441.981	5.013.608	1.134.920	-	545.260	7.135.769
Chi tiêu vốn không phân bổ						2.448.583
Khấu hao tài sản cố định	1.892.573	21.468.396	4.859.756	432.375	2.334.815	30.987.915
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ						2.532.247

**Cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020**

	Vải Nghìn VND	Sợi Nghìn VND	Thành phẩm may mặc Nghìn VND	Bất động sản Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	6.419.833	27.664.148	8.451.691	-	3.095.910	45.631.582
Chi tiêu vốn không phân bổ						57.335
Khấu hao tài sản cố định	4.293.032	18.499.403	5.651.764	440.952	2.070.279	30.955.430
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ						2.591.301

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam;
- Trung Quốc; và
- Các vùng địa lý khác

**Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Doanh thu thuần của bộ phận	269.466.097	297.124.292	63.931.062	630.521.451
Tài sản của bộ phận	192.434.413	32.500.484	5.951.061	1.145.884.950
- Tài sản của bộ phận phân bổ				230.885.958
- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ				914.998.992
Chi tiêu vốn				9.584.352

**Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Doanh thu thuần của bộ phận	376.240.360	131.776.852	71.560.331	579.577.543
Tài sản của bộ phận	184.940.817	14.816.509	11.026.040	1.257.589.288
- Tài sản của bộ phận phân bổ				210.783.366
- Giá trị còn lại tài sản không phân bổ				1.046.805.922
Chi tiêu vốn				45.688.917

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.266.067.880	1.284.050.788
Tiền gửi ngân hàng	23.020.304.236	18.014.264.887
	<hr/>	<hr/>
	24.286.372.116	19.298.315.675
	<hr/>	<hr/>

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
	<hr/>			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (ii)	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
	<hr/>			

(i) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,2% đến 6,4% (1/1/2021: từ 6,2% đến 6,4%).

(ii) Các khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào các năm 2028 và 2029 và hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 7,2% (1/1/2021: từ 6,8% đến 7,2%).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết và đơn vị khác**

	30/6/2021				1/1/2021			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công liên kết								
• Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	4.124.373.980	(*)	36,00%	3.909.488.497	(*)	
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	20.958.543.066	(*)	36,92%	17.423.166.243	(*)	
• Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	2.118.148.075	(*)	36,00%	2.056.024.122	(*)	
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	45,97%	45,97%	14.932.334.066	(*)	45,97%	14.338.822.976	(*)	
			<u>42.133.399.187</u>			<u>37.727.501.838</u>		

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:				
▪ Đơn vị khác				
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.348.555.000	3.387.379.290	1.348.555.000	2.866.371.650
		<u>3.387.379.290</u>		<u>2.866.371.650</u>

(\*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	37.727.501.838	38.163.132.909
Phần lãi trong các công ty liên kết	10.155.897.349	5.492.363.424
Cổ tức nhận được	(5.750.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	42.133.399.187	43.655.496.333

**11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	51.172.775	-
<b>Bên liên quan</b>		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (*)	112.404.322.492	119.233.824.989
Công ty Cổ phần May I Dệt Nam Định	1.340.849.402	281.977.811
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	63.983.897	48.483.349
<b>Bên khác</b>		
China Ctexic Corporation	17.427.381.038	-
Xiamen Haixia Investment Co., Ltd.	9.628.562.275	4.076.351.244
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	8.337.986.489	-
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	-	4.686.453.694
Công ty TNHH Đức Hiếu	-	7.737.710.301
Các khách hàng khác	78.052.904.355	66.580.977.769
	227.307.162.723	202.645.779.157

(\*) Trong khoản phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 từ Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định có khoản phải thu trị giá 23,2 tỷ VND đã được thỏa thuận thu hồi thông qua việc chuyển nhượng tài sản từ hợp đồng mua bán tài sản trên đất tại lô đất N8, Khu Công nghiệp Hòa Xá, Tỉnh Nam Định, ký kết ngày 25 tháng 3 năm 2020 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, hai bên đang tiến hành các thủ tục bàn giao quyền sở hữu các tài sản này.

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất năm là 6,5% (2020: 7,5%) khi quá hạn mà các công ty liên kết này chưa thanh toán.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh các khoản cho vay cấp cho Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định, một công ty liên kết. Các khoản cho vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm vay là 6,5% (2020: 7,5%) một năm.

**13. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải thu các công ty liên kết	2.875.000.000	1.447.770.000
Phải thu tiền lãi cho vay từ các công ty liên kết	32.825.000	36.995.968
Ký cược, ký quỹ	420.878.000	460.132.830
Phải thu các công ty liên kết về tiền đất cho thuê	1.377.091.691	378.482.233
Tạm ứng	616.419.365	201.881.785
Phải thu khác	617.767.404	1.939.360.274
	5.939.981.460	4.464.623.090

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	2.875.000.000	-
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	356.212.181	476.641.559
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.033.812.138	1.062.606.642
Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	19.892.372	324.000.000
	4.284.916.691	1.863.248.201

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (i)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty (ii)	2.870.068.105	5.793.421.544
Phải thu dài hạn khác	793.089.316	468.385.962
	6.863.157.421	9.461.807.506

- (i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng.
- (ii) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá (“Dự án di dời”), bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc liên quan đến Dự án di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Tổng Công ty đang trong quá trình làm thủ tục để xin hỗ trợ phần còn lại của khoản phải thu trị giá 2,9 tỷ VND liên quan đến các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất theo Công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài chính và Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

11/11/2021

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Dự phòng phải thu khó đòi**

	30/6/2021			1/1/2021				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thành Vin	Từ 2 - 3 năm	5.134.999.999	(5.134.999.999)	-	Từ 1 - 2 năm	5.259.999.999	(5.259.999.999)	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm Từ 6 tháng - 1 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng - 1 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-
Các đối tượng khác	Từ 1 - 2 năm	331.705.438	(99.511.630)	232.193.808	Từ 1 - 2 năm	1.082.286.451	(324.685.935)	757.600.516
Các đối tượng khác	Từ 1 - 2 năm	986.936.475	(493.468.238)	493.468.237	Từ 1 - 2 năm	3.260.117.668	(2.030.058.834)	1.230.058.834
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	4.846.565.750	(4.846.565.750)	-	Trên 3 năm	1.647.354.227	(1.647.354.227)	-
		<b>14.183.267.027</b>	<b>(13.457.604.982)</b>	<b>725.662.045</b>		<b>14.132.817.710</b>	<b>(12.145.158.360)</b>	<b>1.987.659.350</b>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi

(10.257.604.982)  
(3.200.000.000)

(13.457.604.982)

(10.145.158.360)  
(2.000.000.000)

(12.145.158.360)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Hàng tồn kho**

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	56.890.542.147	-	7.363.780.455	-
Nguyên vật liệu	34.099.053.998	-	83.469.526.328	-
Công cụ và dụng cụ	144.102.071	-	210.938.021	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.929.352.094	-	15.304.680.033	-
Thành phẩm	55.711.655.952	(1.098.142.454)	50.192.655.129	(1.098.142.454)
Hàng hóa	3.252.790.055	(173.901.338)	2.531.238.797	(173.901.338)
	<b>171.027.496.317</b>	<b>(1.272.043.792)</b>	<b>159.072.818.763</b>	<b>(1.272.043.792)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 2.178 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2021: 2.178 triệu VND hàng tồn kho) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	313.577.627.598	2.991.429.071	848.738.523.143	52.825.703.605	1.218.133.283.417
Tăng trong kỳ	-	41.220.000	201.492.000	-	242.712.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.901.847.047	-	4.749.358.110	2.157.362.555	9.808.567.712
Thanh lý	-	-	(3.903.267.497)	(40.909.090)	(3.944.176.587)
Số dư cuối kỳ	316.479.474.645	3.032.649.071	849.786.105.756	54.942.157.070	1.224.240.386.542
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	94.048.794.296	1.955.431.453	466.719.708.483	22.851.147.945	585.575.082.177
Khấu hao trong kỳ	7.887.097.274	85.100.390	21.379.516.135	2.415.646.398	31.767.360.197
Thanh lý	-	-	(3.892.990.115)	(40.909.090)	(3.933.899.205)
Số dư cuối kỳ	101.935.891.570	2.040.531.843	484.206.234.503	25.225.885.253	613.408.543.169
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	219.528.833.302	1.035.997.618	382.018.814.660	29.974.555.660	632.558.201.240
Số dư cuối kỳ	214.543.583.075	992.117.228	365.579.871.253	29.716.271.817	610.831.843.373

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 323.174 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2021: 281.517 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 537.389 triệu VND (1/1/2021: 555.546 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 27).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	14.580.151.169
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	4.617.818.878
Khấu hao trong kỳ	1.288.927.062
Số dư cuối kỳ	5.906.745.940
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	9.962.332.291
Số dư cuối kỳ	8.673.405.229

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại là 8.673 triệu VND (1/1/2021: 9.962 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 27(b)(ii)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	17.955.138.931
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	9.895.743.742
Khấu hao trong kỳ	396.108.303
Số dư cuối kỳ	10.291.852.045
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	8.059.395.189
Số dư cuối kỳ	7.663.286.886

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

120  
NG  
HIỆM  
PM  
EM

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	18.461.496.771	46.842.686.983
Tăng trong kỳ	11.497.906.709	25.821.740.079
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.808.567.712)	(28.187.433.322)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(214.155.455)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.871.511.050)	(1.844.507.590)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	18.279.324.718	42.418.330.695

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	13.079.345.579	13.079.345.579
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	186.612.004	35.855.784
Các công trình khác	-	332.928.273
	<hr/>	<hr/>
	18.279.324.718	18.461.496.771





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Công cụ và dụng cụ	808.843.626	689.620.462
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.393.395.530	2.316.354.636
	<u>3.202.239.156</u>	<u>3.005.975.098</u>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê máy móc và thiết bị VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.930.723.451	6.417.601.134	332.353.752	110.264.140	8.790.942.477
Tăng trong kỳ	-	2.393.570.007	-	514.208.606	2.907.778.613
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.871.511.050	-	-	1.871.511.050
Phân bổ trong kỳ	(36.266.298)	(3.733.952.202)	(61.154.004)	(76.844.825)	(3.908.217.329)
Số dư cuối kỳ	<u>1.894.457.153</u>	<u>6.948.729.989</u>	<u>271.199.748</u>	<u>547.627.921</u>	<u>9.662.014.811</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>			
Tài sản cố định	20%	117.161.866	105.405.220
Các khoản mục khác	20%	154.213.826	112.235.620
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		271.375.692	217.640.840
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</b>			
Các khoản dự phòng	20%	(60.000.000)	(284.568.028)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(60.000.000)	(284.568.028)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		211.375.692	(66.927.188)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Phải trả người bán ngắn hạn**

**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ (*)</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định (công ty liên kết)	-	255.096.222
<b>Bên khác</b>		
Viterra B.V.	39.440.984.376	-
Devcot S.A	24.210.907.937	7.381.238.385
Ecom USA LLC	12.635.390.160	-
Ecom Agroindustrial Corporation Ltd.	7.027.773.186	-
Afcom Trading DMCC	-	10.353.373.780
CAM Negoce, Division Cotton	-	7.585.559.661
Công ty CP Xây dựng BYD Việt Nam	-	4.051.733.169
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Đạt	-	4.867.152.942
Các nhà cung cấp khác	71.415.636.057	43.011.362.995
	<b>154.730.691.716</b>	<b>77.505.517.154</b>

(\*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty và các công ty con có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(c).

Khoản phải trả thương mại các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong thời gian từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã thu/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.019.633	-	(63.019.633)	-
Thuế thu nhập cá nhân	189.065	-	(189.065)	-
Thuế đất	32.996.853	5.411.285	(32.996.853)	5.411.285
Các loại thuế khác	23.620.390	11.000.000	(34.620.390)	-
	119.825.941	16.411.285	(130.825.941)	5.411.285

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	731.146.602	30.400.703.881	(24.996.209.273)	6.135.641.210
Thuế thu nhập doanh nghiệp	717.147.135	6.779.548.726	(235.933.871)	7.260.761.990
Thuế thu nhập cá nhân	12.719.711	55.840.519	(54.740.343)	13.819.887
Thuế đất	-	3.103.665.537	(1.125.550.974)	1.978.114.563
Các loại thuế khác	12.505.027	260.866.973	(259.715.473)	13.656.527
	1.473.518.475	40.600.625.636	(26.672.149.934)	15.401.994.177

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	1.067.435.104	1.529.035.571
Chi phí điện, nước phải trả	702.370.292	732.891.372
Chi phí khác	344.711.505	522.635.025
	<hr/>	<hr/>
	2.114.516.901	2.784.561.968
	<hr/>	<hr/>

**25. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn là doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư.

**26. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	2.258.063.604	892.259.261
Cổ tức phải trả	1.060.814.550	1.316.227.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	945.534.525	2.490.463.413
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	236.725.641	419.986.136
	<hr/>	<hr/>
	4.501.138.320	5.118.936.060
	<hr/>	<hr/>

(\*) Chi phí lãi vay phải trả công ty mẹ không được đảm bảo và phải trả khi được yêu cầu.

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty (*)	6.212.500.000	6.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	<hr/>	<hr/>
	6.331.923.822	6.331.923.822
	<hr/>	<hr/>

(\*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (công ty liên kết) cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2021		Biến động trong kỳ		30/6/2021	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND	
Vay ngắn hạn	339.951.179.864	444.343.900.539	(527.783.885.853)	(331.273.479)	256.179.921.071	
Vay dài hạn đến hạn trả	40.864.920.203	32.141.444.512	(30.206.590.823)	(66.219.680)	42.733.554.212	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong 12 tháng	2.119.301.586	993.753.188	(937.387.597)	(37.553.138)	2.138.114.039	
	382.935.401.653	477.479.098.239	(558.927.864.273)	(435.046.297)	301.051.589.322	

(\*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giá định công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tổng Công ty và các công ty con có thể thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(c).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Bên khác</b>				
Vay ngân hàng 1	USD	3,3% - 4,1%	70.797.658.837	48.572.054.548
Vay ngân hàng 2	VND	6,5% - 8,6%	57.379.216.869	122.626.548.577
Vay ngân hàng 3	USD	4,4%	-	15.845.625.892
Vay ngân hàng 4	VND	6%-6,5%	58.175.483.840	50.231.923.418
Vay ngân hàng 5	VND	6,4%-7,5%	21.019.764.826	59.281.460.357
Vay ngân hàng 6	USD	3,4%	6.356.644.012	1.902.978.640
Vay ngân hàng 7	USD	3,8% - 4%	31.401.908.836	34.316.820.883
Vay nhân viên	VND	2,4% - 7,0%	11.049.243.851	7.173.767.549
			256.179.921.071	339.951.179.864

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị còn lại là 74.108 triệu VND (1/1/2021: 77.170 triệu VND).

Các khoản vay nhân viên không được đảm bảo.

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Vay dài hạn (i)	419.865.518.321	451.933.843.544
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	6.759.236.161	7.840.014.035
	426.624.754.482	459.773.857.579
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(44.871.668.251)	(42.984.221.789)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	381.753.086.231	416.789.635.790

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Vay dài hạn**

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Bên liên quan</b>					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	132.607.327.707	134.255.276.720
<b>Bên khác</b>					
Vay từ ngân hàng 8 (***)	USD	4,5% -5,5%	2024	116.516.956.941	135.225.612.965
Vay từ ngân hàng 9 (***)	VND	11,0%	2023	72.923.417.195	79.247.843.491
Vay từ ngân hàng 10	USD	5,5%-7,7%	2024	19.508.719.564	19.552.506.726
Vay từ ngân hàng 11	VND	10%-11,1%	2024	3.859.708.306	-
Vay từ ngân hàng 12	VND	6,5%	2026	-	9.203.215.034
Vay nhân viên (*)	VND	9,6%	2024	9.450.000.000	9.450.000.000
				419.865.518.321	451.933.843.544

(\*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(\*\*) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 126.597 triệu VND (1/1/2021: 132.409 triệu VND).

(\*\*\*) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 272.392 triệu VND (1/1/2021: 283.078 triệu VND).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 64.292 triệu VND (1/1/2021: 62.889 triệu VND).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Các khoản nợ thuế tài chính**

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Nợ gốc VND
Trong một năm	2.444.656.894	306.542.855	2.425.091.943	305.790.357
Trong hai đến năm năm	4.798.726.350	177.604.228	6.080.882.657	360.170.208
	7.243.383.244	484.147.083	8.505.974.600	665.960.565
				7.840.014.035

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, trong nợ thuế tài chính có số nợ gốc ngoại tệ xấp xỉ 224.347 USD (1/1/2021: 246.570 USD).

Khoản vay nợ thuế tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình thuế tài chính có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 8.673 triệu VND (1/1/2021: 9.962 triệu VND) (Thuyết minh 17).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.981.041.829	2.520.278.732
Trích lập trong kỳ	89.162.578	105.689.498
Sử dụng trong kỳ	(743.940.000)	(717.684.317)
Số dư cuối kỳ	1.326.264.407	1.908.283.913

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ)/lãi lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	136.000.000.000	(12.175.488)	67.934.144.087	(11.862.335.395)	10.792.978.465	202.852.611.669
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(4.690.177.738)	298.740.474	(4.391.437.264)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(69.911.430)	(35.778.068)	(105.689.498)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	35.824.717	(35.824.717)	-	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	136.000.000.000	(12.175.488)	67.969.968.804	(16.658.249.280)	11.055.940.871	198.355.484.907
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	136.000.000.000	(12.175.488)	68.047.855.709	(11.359.713.615)	12.041.483.597	204.717.450.203
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	42.370.700.265	415.211.620	42.785.911.885
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(53.456.971)	(35.705.607)	(89.162.578)
Cổ tức phân bổ cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	(168.375.000)	(168.375.000)
Biến động khác	-	-	-	(1.072.980.918)	-	(1.072.980.918)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	136.000.000.000	(12.175.488)	68.047.855.709	29.884.548.761	12.252.614.610	246.172.843.592

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### 30. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	13.600.000	136.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2021 và 1/1/2021		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.299.700	53,67	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	719.000	5,29	7.190.000.000
Các cổ đông khác	5.581.300	41,04	55.813.000.000
	13.600.000	100,00	136.000.000.000

### 31. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	52.030.586.667	53.006.160.167
	<hr/>	<hr/>
	61.786.321.667	62.761.895.167
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	168.358	3.857.894.316	74.938	1.706.560.016
EUR	450	12.279.459	450	12.279.459
		<hr/>		<hr/>
		3.870.173.775		1.718.839.475
		<hr/>		<hr/>

**33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2021</b>	<b>30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bán hàng	567.123.187.805	523.339.864.124
Cung cấp dịch vụ	14.316.113.809	11.602.333.176
Dịch vụ gia công	40.397.922.553	34.448.113.767
Cho thuê bất động sản đầu tư	5.754.930.215	6.785.420.877
Doanh thu khác	2.929.296.519	3.401.811.533
	<hr/>	<hr/>
	630.521.450.901	579.577.543.477
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	493.112.078.250	503.067.542.477
Dịch vụ đã cung ứng	10.946.269.920	13.387.068.744
Dịch vụ gia công	43.490.396.055	24.110.381.565
Bất động sản đầu tư cho thuê	2.288.538.942	778.447.210
Giá vốn khác	2.663.469.261	2.931.206.341
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(953.773.822)
	<b>552.500.752.428</b>	<b>543.320.872.515</b>

**35. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	563.979.960	786.894.767
Lãi do người mua chậm trả	2.504.391.931	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.350.386.785	1.615.039.105
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.843.005.679	6.624.801.656
	<b>10.261.764.355</b>	<b>9.026.735.528</b>

**36. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021	30/6/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	20.762.650.614	27.674.693.348
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.449.157.169	6.476.478.421
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.635.732	-
	<b>24.237.443.515</b>	<b>34.151.171.769</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí vận chuyển	1.931.522.051	2.521.534.340
Chi phí lương nhân viên	-	67.897.760
Chi phí đại lý bán hàng	872.130.623	905.886.125
Chi phí xuất khẩu	3.322.960.312	1.627.633.623
Chi phí bán hàng khác	1.882.386.095	555.216.851
	<b>8.008.999.081</b>	<b>5.678.168.699</b>

**38. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí lương nhân viên	5.588.141.982	5.655.733.641
Dự phòng phải thu khó đòi	1.292.785.897	2.337.260.886
Chi phí phân bổ trả trước	727.979.296	1.211.086.316
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.307.612.009	1.357.824.308
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.324.600.156	4.981.635.545
	<b>17.241.119.340</b>	<b>15.543.540.696</b>

**39. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	350.040.455.672	318.351.971.098
Chi phí nhân công	79.297.005.900	76.468.184.383
Chi phí khấu hao và phân bổ	33.520.161.860	33.546.730.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.778.233.418	100.986.256.962
Chi phí khác	24.258.686.883	17.193.535.485

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	6.779.548.726	140.581.505
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(278.302.880)	(21.332.457)
	6.501.245.846	119.249.048

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	49.287.157.731	(4.272.188.216)
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	9.857.431.546	(854.437.643)
Chi phí không được khấu trừ thuế	639.625	373.872.949
Lợi ích của chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế trong các năm trước được phép mang sang theo Nghị định 132 (*)	(1.180.313.271)	-
Ảnh hưởng của phần lãi được chia từ các công ty liên kết	(2.031.179.470)	(1.098.472.685)
Ảnh hưởng của các chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(145.332.584)	1.698.286.427
	6.501.245.846	119.249.048





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế là số chi phí lãi vay trong năm vượt quá 30% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) và chi phí khấu hao phát sinh trong năm, do đó không được tính là chi phí khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”). Theo Nghị định 132, các khoản chi phí lãi vay này được chuyển sang kỳ tính thuế sau và thời hạn được chuyển tiếp không quá 5 năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi phí lãi vay năm 2019 và 2020 với số tiền lần lượt là 18.245 triệu VND và 18.180 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2024 và 2025. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, chi phí lãi vay không được khấu trừ của các năm trước mang sang với số tiền 5.902 triệu VND đã được sử dụng để giảm trừ vào lợi nhuận tính thuế của kỳ hiện hành theo hướng dẫn của Nghị định 132.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**41. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi/lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận sau thuế TNDN thuộc về cổ đông phổ thông là 42.370.700.265 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: lỗ 4.690.177.738 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.600.000 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020: 13.600.000 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

112  
CÔNG  
NHIE  
CPI  
LIÊN

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.000.000	25.000.000
Hoàn trả khoản vay	1.233.663.803	1.139.592.026
Chi phí lãi vay	2.256.280.143	2.560.441.668
Lãi vay và phí nhập gốc vay	1.133.242.122	2.304.069.134
<b>Các bên liên quan khác – Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	57.326.572.684	118.433.226.778
Mua hàng hóa	23.833.881.489	73.114.511.712
Lãi do người mua chậm trả	2.504.391.931	1.960.048.903
<b>Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	637.252.684	717.320.020
Khoản cho vay	1.900.000.000	4.500.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	2.500.000.000	6.000.000.000
Thu nhập lãi vay	201.685.796	179.697.581
Lãi do người mua chậm trả	-	73.790.322
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định</b>		
Bán hàng hóa	-	252.810
<b>Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.534.225.470	44.035.820
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b>		
Lương và thù lao đã trả	538.274.292	315.061.384

**43. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2021 VND	30/6/2020 VND
Bù trừ khoản phải trả với cổ tức phải thu trong kỳ	-	283.620.000
Lãi vay và phí nhập gốc vay	369.816.639	2.304.069.134

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng**  
**kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**44. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**27 -08- 2021**

Người lập:



Trần Phương Linh  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng  
Tổng Giám đốc